

**TOÀ ÁN N DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16-8-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ H PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm N dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Trần Đình Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án N dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát N dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án N dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Quý N; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã T, huyện T, thành phố H Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn 10, xã V, huyện V, thành phố H Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đào Thanh H; địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện T, thành phố H Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Quý N trình bày:

Chị Đặng Quý N kết hôn với anh Đào Thanh H trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố H Phòng vào ngày 25 tháng 11 năm 2005. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất, thường xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Do mâu thuẫn, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 10, xã Việt Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố H Phòng ăn ở từ năm 2018 và sống ly thân với anh H từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Thanh H. Chị và anh H có 01 con chung tên Đào Việt Hoàng, sinh ngày 26/9/2006. Khi ly hôn chị N xin được trực tiếp nuôi con chung như hiện nay. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị và anh H tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N và anh H tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đào Thanh H có nơi cư trú tại xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố H Phòng. Quá trình giải quyết vụ án anh Đào Thanh H không hợp tác, cố tình trốn tránh. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho anh H nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Đào Thanh H vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị Đặng Quý N.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn N và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử, cho ly hôn giữa chị Đặng Quý N và anh Đào Thanh H. Giao con chung Đào Việt Hoàng, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2006 cho chị Đặng Quý N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con

chung và tài sản chung chị Đặng Quý N và anh Đào Thanh H không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Đặng Quý N pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng kết hôn, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao căn cước công dân của chị Đặng Quý N và anh Đào Thanh H; bản sao giấy khai sinh của con chung; Bản tự khai; Đơn đề nghị; Biên bản lấy lời khai; Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình anh Đào Thanh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đào Thanh H đang cư trú tại xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố H Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đào Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Chị Đặng Quý N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đặng Quý N và anh Đào Thanh H.

[2] Về hôn N: Chị Đặng Quý N và anh Đào Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố H Phòng vào ngày 25 tháng 11 năm 2005 là hôn N hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình thể hiện nguyên N mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất nên thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị N, anh H đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn chị N, anh H đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án anh Đào Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, thể hiện anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N và không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Điều này thể hiện quan hệ hôn N giữa chị Đặng Quý N và anh Đào Thanh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn N không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn N và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Đặng Quý N được ly hôn anh Đào Thanh H.

[3] Về con chung: Chị Đặng Quý N và anh Đào Thanh H có 01 con chung tên Đào Việt Hoàng, sinh ngày 26 năm 9 năm 2006. Khi ly hôn chị N xin được

trực tiếp nuôi con chung. Xét từ khi sống ly thân đến nay, chị Đặng Quý N là người trực tiếp nuôi con chung và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cháu Đào Việt Hoàng có nguyện vọng ở với mẹ nên giữ nguyên tình trạng nuôi con chung như hiện nay, giao cháu Đào Việt Hoàng cho chị Đặng Quý N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn N gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị N và anh H tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Đặng Quý N khai chị và anh Đào Thanh H tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, chưa có lời khai của anh Đào Thanh H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đặng Quý N pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn N và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn N: Cho ly hôn giữa chị Đặng Quý N và anh Đào Thanh H
2. Về con chung: Giao con chung tên Đào Việt Hoàng, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2006 cho chị Đặng Quý N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Đặng Quý N và anh Đào Thanh H tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Quý N pH chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015957 ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Đặng Quý N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Quý N và anh Đào Thanh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố H Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên
(Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/11/2005);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

